

SỔ hướng dẫn sử dụng

Dell SE2416HM

Số mẫu: SE2416HM

Mẫu quy định: SE2416HM_c



Lưu ý, chú ý và cảnh báo



LƯU Ý: LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.



CHÚ Ý: LƯU Ý cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.



CẢNH BÁO: CẢNH BÁO cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc gây tử vong.

Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

© 2016-2017 Dell Inc. Bảo lưu mọi bản quyền.

Nghiêm cấm sao chép các tài liệu này dưới mọi hình thức nếu không có văn bản cho phép của Dell Inc.

Các thương hiệu dùng trong tài liệu này: Logo *Dell* và *DELL* là thương hiệu của Dell Inc.; *Microsoft* và *Windows* là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Microsoft. Công ty tại Mỹ và/hoặc các quốc gia khác, *Intel* là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Intel tại Mỹ và các quốc gia khác; và *ATI* là thương hiệu của Advanced Micro Devices, Inc. *ENERGY STAR* là thương hiệu của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ. Là đối tác *ENERGY STAR*, chúng tôi xác nhận sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn của *ENERGY STAR* về hiệu quả năng lượng.

Các thương hiệu và nhãn hiệu khác có thể được sử dụng trong tài liệu này để đề cập đến những cơ quan xác nhận nhãn hiệu và tên sản phẩm của họ. Dell Inc. khước từ bất cứ quyền sở hữu nào đối với các thương hiệu và nhãn hiệu ngoại trừ các thương hiệu và nhãn hiệu của chính chúng tôi.

Mục lục

| | |
|--|-----------|
| Giới thiệu màn hình của bạn | 5 |
| Phụ kiện trọn bộ | 5 |
| Tính năng sản phẩm | 6 |
| Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển..... | 7 |
| Tính năng Cắm Là Chạy | 10 |
| Hướng dẫn bảo dưỡng..... | 10 |
| Lắp đặt màn hình..... | 11 |
| Cắm giá đỡ..... | 11 |
| Kết nối màn hình của bạn..... | 11 |
| Bộ trí các loại cáp..... | 12 |
| Tháo giá đỡ..... | 13 |
| Sử dụng màn hình..... | 14 |
| Bật nguồn màn hình..... | 14 |
| Sử dụng các nút điều khiển mặt trước | 14 |
| Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)..... | 16 |
| Thiết lập màn hình của bạn | 29 |
| Sử dụng độ nghiêng | 31 |

Khắc phục sự cố32

Tự kiểm tra.....32

Hệ chẩn đoán tích hợp33

Các sự cố thường gặp.....34

Sự cố liên quan đến sản phẩm36

Phụ lục37

Liên hệ với Dell.....37

Thông số kỹ thuật màn hình.....38

Thông số kỹ thuật màn hình phẳng.....38

Thông số kỹ thuật độ phân giải38

Chế độ video hỗ trợ39

Chế độ hiển thị cài sẵn39

Thông số kỹ thuật điện39

Đặc tính vật lý40

Đặc tính môi trường.....41



Chế độ quản lý nguồn.....41

Cách gán châu cắm.....43

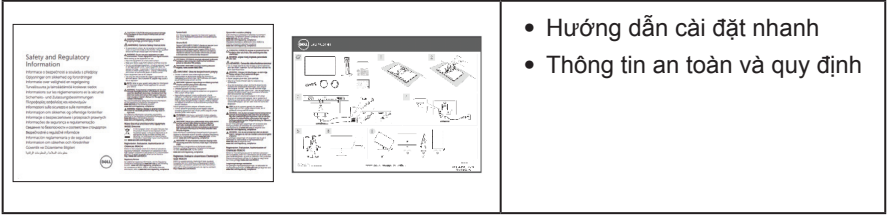
Giới thiệu màn hình của bạn

Phụ kiện trọn bộ

Màn hình của bạn được gửi kèm các phụ kiện như liệt kê dưới đây. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các phụ kiện này và xem [Liên hệ với Dell](#) để biết thêm thông tin nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào.

-  **LƯU Ý:** Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc phương tiện có thể không có sẵn ở một số quốc gia.
-  **LƯU Ý:** Để lắp đặt với bất kỳ giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo sổ hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng để biết cách lắp đặt.

| | |
|---|---|
|  | <ul style="list-style-type: none">• Màn hình |
|  | <ul style="list-style-type: none">• Giá đỡ |
|  | <ul style="list-style-type: none">• Chân đế |
|  | <ul style="list-style-type: none">• Cáp điện (khác nhau theo từng quốc gia) |
|  | <ul style="list-style-type: none">• Cáp VGA |



- Hướng dẫn cài đặt nhanh
- Thông tin an toàn và quy định

Tính năng sản phẩm

Màn hình phẳng **Dell SE2416HM** tích hợp một màn hình tinh thể lỏng (LCD) ma trận hoạt động, bóng bán dẫn màng mỏng (TFT) và đèn nền LED. Các tính năng màn hình bao gồm:

- **SE2416HM:** Hiển thị vùng xem 60,47 cm (23,8 inch) (đo theo đường chéo). Độ phân giải 1920 x 1080 với khả năng hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Góc xem rộng cho phép xem từ vị trí ngồi hay đứng hoặc trong khi di chuyển từ bên này sang bên khác.
- Kết nối VGA và DVI-D cho phép kết nối dễ dàng với các hệ thống cũ và mới.
- Tích hợp tính năng Plug and play (Cắm Là Chạy) nếu được hỗ trợ bởi hệ thống.
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Tính năng tiết kiệm năng lượng tương thích chuẩn Energy Star.
- Khe khóa an toàn.
- Khử chất chống cháy brom hóa (BFR)/nhựa PVC.
- Màn hình được chứng nhận TCO.
- Mặt kính không chứa asen lẫn thủy ngân chỉ dùng cho bảng điều khiển.
- Tỷ lệ tương phản động cao (8.000.000:1).
- Nguồn điện chờ 0,3 W khi ở chế độ chờ.
- Phần mềm Energy Gauge hiển thị mức điện năng đang được tiêu thụ bởi màn hình trong thời gian thực.

Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

Mặt trước



Các nút điều khiển ở mặt trước

| Nhãn | Mô tả |
|------|---|
| 1 | Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử dụng màn hình) |
| 2 | Nút (Bật/Tắt) nguồn |

LƯU Ý: Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.

Mặt sau



Mặt sau không có giá đỡ màn hình

Mặt sau với giá đỡ màn hình

| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|---------------------------------------|---|
| 1 | Khe khóa an toàn | Giữ chặt màn hình bằng khóa an toàn (khóa an toàn không kèm theo màn hình). |
| 2 | Mã vạch, số sêri và nhãn Thẻ bảo hành | Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. Thẻ bảo hành Dell được dùng vào các mục đích quản lý dịch vụ khách hàng và bảo hành của Dell cũng như để lưu vào hệ thống cơ sở. |
| 3 | Khe cắm quản lý cáp | Dùng để bố trí các loại cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua rãnh này. |
| 4 | Nút nhả giá đỡ | Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình. |

Mặt bên cạnh



Mặt dưới



Mặt dưới không có giá đỡ màn hình

| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|---------------|---|
| 1 | Cổng nguồn | Cắm cáp nguồn. |
| 2 | Cổng DVI-D | Kết nối máy tính bằng cáp DVI-D. |
| 3 | Cổng VGA | Kết nối máy tính bằng cáp VGA. |
| 4 | Nhãn quy định | Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định. |

Tính năng Cắm Là Chạy

Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn Cắm Là Chạy (Plug and Play). Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động, bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).

Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, xem trang Hỗ trợ Dell tại www.dell.com/support/monitors.

Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

△ CHÚ Ý: Đọc và tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.

Để có thông lệ thực hành tốt nhất, thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây khi mở thùng đựng, vệ sinh hay cầm nắm màn hình của bạn:

- Để lau màn hình, thấm một ít nước vào khăn mềm sạch. Nếu có thể, hãy dùng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình chuyên dụng để lau lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, chất tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Cầm màn hình cẩn thận vì màn hình màu đen có thể bị trầy xước và hiện ra các vết xước trắng.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.

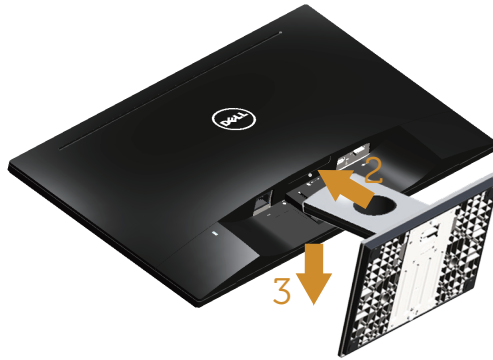
Lắp đặt màn hình

Cắm giá đỡ

LƯU Ý: Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

Để lắp giá đỡ màn hình:

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót.
2. Lắp khít các then cài ở phía trên giá đỡ vào rãnh phía sau màn hình.
3. Ấn giá đỡ xuống cho đến khi nó khóa khít.



Kết nối màn hình của bạn

⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

LƯU Ý: Không được cắm mọi loại cáp vào máy tính cùng một lúc. Bạn nên bố trí các loại cáp qua khe quản lý cáp trước khi kết nối chúng với màn hình.

Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và ngắt cáp nguồn.
Cắm cáp VGA/DVI-D từ màn hình của bạn vào máy tính.

Cắm cáp VGA



Kết nối cáp DVI-D (được bán riêng)



Bộ trí các loại cáp

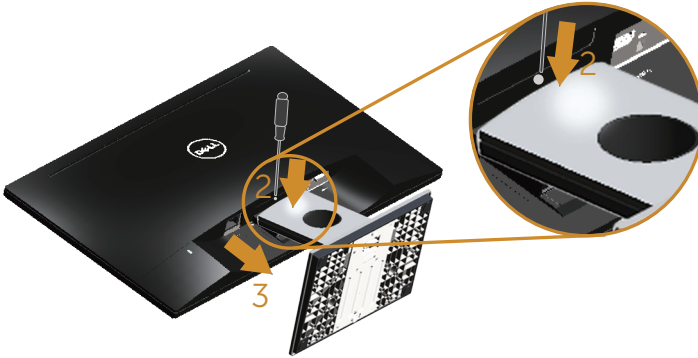


Tháo giá đỡ

LƯU Ý: Để tránh màn hình LCD bị trầy xước trong khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm và sạch sẽ.


Để tháo giá đỡ:

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót.
2. Dùng tua vít dài và mảnh để đẩy chốt nhả.
3. Một khi chốt cài đã nhả, hãy tháo để giữ ra khỏi màn hình.



Sử dụng màn hình

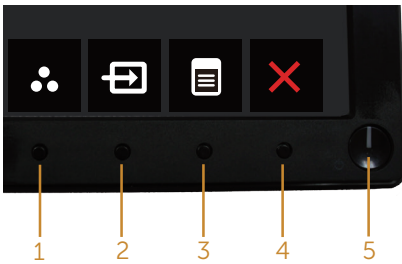
Bật nguồn màn hình

Nhấn nút  để bật màn hình.








Sử dụng các nút điều khiển mặt trước

Dùng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để chỉnh hình ảnh đang hiển thị.



Bảng sau đây mô tả các nút ở mặt trước:





| Nút mặt trước | Mô tả |
|---|--|
| 1  Shortcut key/Presets Modes (Phím tắt/Chế độ cài sẵn) | Dùng nút này để chọn từ danh sách chế độ cài sẵn. |
| 2  Shortcut key/Input source (Phím tắt/Nguồn vào) | Dùng menu Nguồn vào để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn. |
| 3  Menu | Dùng nút Menu để bật menu Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập menu OSD . |

| | | |
|---|--|---|
| 4 |  Exit (Thoát) | Dùng nút này để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD. |
| 5 |  Nguồn (với đèn báo nguồn) | Dùng nút Nguồn để Bật và Tắt màn hình. Đèn trắng một màu cho biết màn hình đang Bật và hoạt động đầy đủ. Đèn trắng nhấp nháy cho biết chế độ tiết kiệm điện. |

Các nút điều khiển menu OSD

Dùng các nút ở mặt trước màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.



| | Nút mặt trước | Mô tả |
|---|---|--|
| 1 |  Lên | Dùng nút Lên để tăng các giá trị hoặc chuyển lên trong một menu. |
| 2 |  Xuống | Dùng nút Xuống để giảm các giá trị hoặc chuyển xuống trong một menu. |
| 3 |  OK | Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn trong một menu. |
| 4 |  Trở về | Dùng nút Trở về để trở về menu trước. |

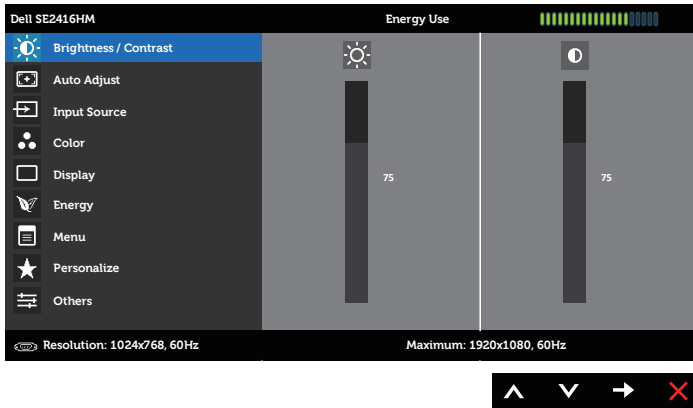
Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)

Truy cập menu OSD

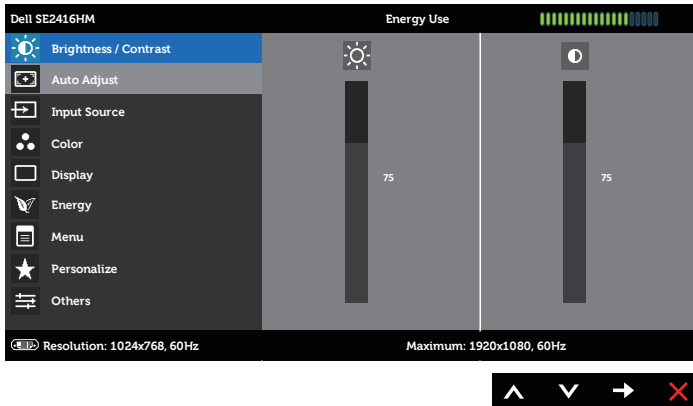
LƯU Ý: Mọi thay đổi bạn thực hiện sẽ được lưu lại tự động khi bạn chuyển sang một menu khác, thoát menu OSD hoặc đợi menu OSD đóng tự động.










1. Nhấn nút  để hiển thị menu chính OSD.


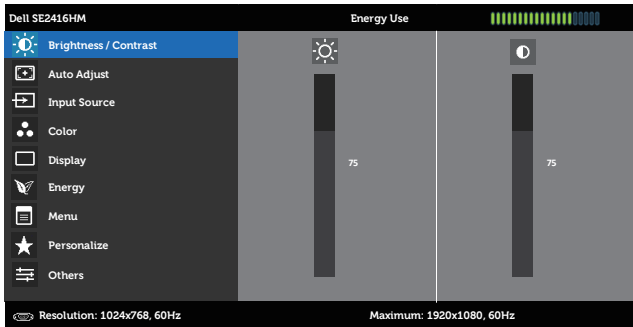





Menu chính cho đầu vào (VGA) analog



Menu chính cho đầu vào (DVI-D) kỹ thuật số



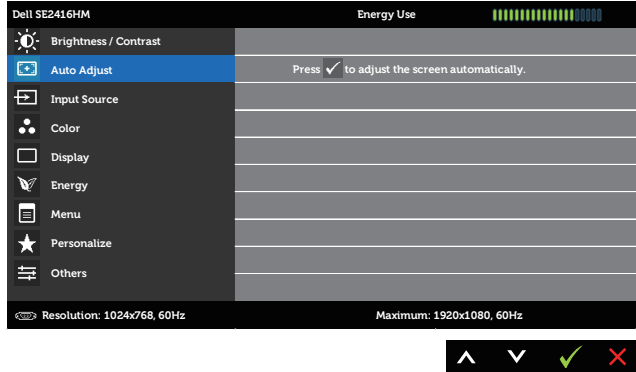
2. Nhấn nút  và  để chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm. Xem bảng sau để biết danh sách hoàn chỉnh của tất cả tùy chọn có sẵn cho màn hình.
3. Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn vừa tô sáng.
4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn  và sau đó sử dụng các nút  và , theo chỉ báo trên menu để thực hiện các thay đổi.
6. Chọn nút  để trở về menu chính.

| Biểu tượng | Menu và Menu phụ | Mô tả |
|--|---|---|
|  | Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) | Dùng menu này để kích hoạt điều chỉnh Brightness/ Contrast (Độ sáng/Độ tương phản).   |
| | Brightness (Độ sáng) | Brightness (Độ sáng) sẽ điều chỉnh độ sáng đèn nền. Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0/tối đa 100). LƯU Ý: Tùy chọn chỉnh thủ công cho Brightness (Độ sáng) sẽ bị tắt khi chuyển Dynamic Contrast (Độ tương phản động) sang On (Bật). |
| | Contrast (Độ tương phản) | Chỉnh Brightness (Độ sáng) trước rồi chỉnh Contrast (Độ tương phản) chỉ khi cần chỉnh thêm. Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0/tối đa 100). Chức năng Contrast (Độ tương phản) sẽ chỉnh mức độ khác biệt giữa mức sáng và mức tối trên màn hình. |



Auto Adjust (Chỉnh tự động)

Dùng nút này để kích hoạt cài đặt tự động và chỉnh menu.



Hộp thoại sau hiển thị trên màn hình đen khi màn hình tự chỉnh sang đầu vào hiện hành:

Auto Adjustment in Progress...

Chức năng Chỉnh tự động cho phép màn hình tự chỉnh sang tín hiệu video đầu vào. Sau khi sử dụng tùy chọn Điều chỉnh tự động, bạn có thể chỉnh thêm màn hình bằng cách sử dụng các nút điều khiển Đồng hồ điểm ảnh (Thô) và Pha (Mịn) trong Cài đặt hiển thị.

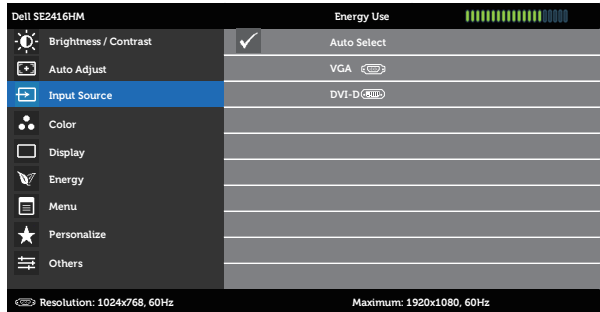
LƯU Ý: Auto Adjust (Chỉnh tự động) không hiển thị nếu bạn nhấn nút này trong khi không có các tín hiệu đầu vào video hoạt động hoặc cáp đã kết nối.

Tùy chọn này chỉ có sẵn khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA) tương tự.



Input Source (Nguồn vào)

Dùng menu Input Source (Nguồn vào) để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.



VGA

Chọn đầu vào VGA khi bạn đang sử dụng đầu cắm (VGA). Nhấn để chọn nguồn vào VGA.



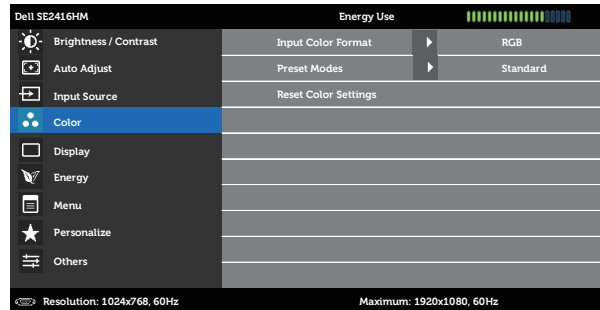
DVI-D

Chọn đầu vào DVI-D khi bạn đang sử dụng các đầu cắm DVI-D. Nhấn để chọn nguồn tín hiệu vào DVI-D.



Color (Màu sắc)

Dùng Color (Màu sắc) để chỉnh chế độ cài đặt màu.

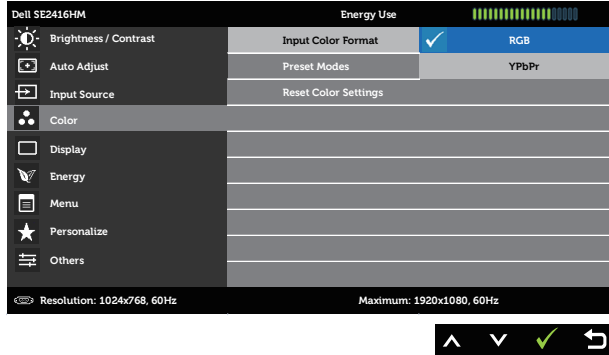


Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)

Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:

RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu đĩa DVD) bằng cáp VGA hoặc DVI-D.



YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với đầu đĩa DVD theo YPbPr (Lục-Lam-Đỏ) bằng cáp VGA hoặc DVI-D; hoặc nếu cài đặt đầu ra màu DVD không phải là RGB (Đỏ-Lục-Lam).





Preset Modes (Chế độ cài sẵn)

Khi chọn Chế độ cài sẵn, bạn có thể chọn Chuẩn, Đa phương tiện, Phim, Trò chơi, Văn bản, Nhiệt độ màu hoặc Màu tùy chỉnh từ danh sách.

- Standard (Chuẩn): Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- Multimedia (Đa phương tiện): Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- Movie (Phim): Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng để xem phim.
- Game (Trò chơi): Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng chơi game.
- Paper: Nạp các cài đặt độ sáng và độ sắc nét lý tưởng để đọc văn bản. Kết hợp phong nền văn bản để mô phỏng phương tiện văn bản mà không ảnh hưởng đến các hình màu. Chỉ áp dụng cho định dạng đầu vào RGB.
- Warm (Nóng): Tăng nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị ấm hơn với sắc đỏ/vàng.
- Cool (Nguội): Giảm nhiệt độ màu. Màn hình hiển thị nguội hơn với sắc xanh lam.
- Custom Color (Màu tùy chỉnh): Cho phép bạn chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc.

Nhấn các nút  và  để chỉnh ba giá trị màu (Đỏ, Lục, Lam) và tự tạo chế độ màu cài sẵn riêng cho riêng mình.





Hue (Tông màu) Tính năng này có thể chuyển màu hình ảnh video sang màu lục hoặc màu tím. Tùy chọn này dùng để chỉnh màu da mong muốn. Dùng  hoặc  để chỉnh tông màu từ 0 đến 100.

Nhấn  để tăng hình dạng xanh lục của hình video.


Nhấn  để tăng hình dạng màu tím của hình video.

LƯU Ý: Điều chỉnh Tông màu chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn Phim hoặc Trò chơi.

**Saturation
(Độ bão hòa)**

Tính năng này có thể chỉnh độ bão hòa màu sắc của hình video. Dùng  hoặc  để chỉnh độ bão hòa từ '0' đến '100'.

Nhấn  để tăng hình dạng đơn sắc của hình video.

Nhấn  để tăng hình dạng đa màu sắc của hình video.

LƯU Ý: Điều chỉnh Độ bão hòa chỉ có sẵn khi bạn chọn chế độ cài sẵn Phim hoặc Trò chơi.

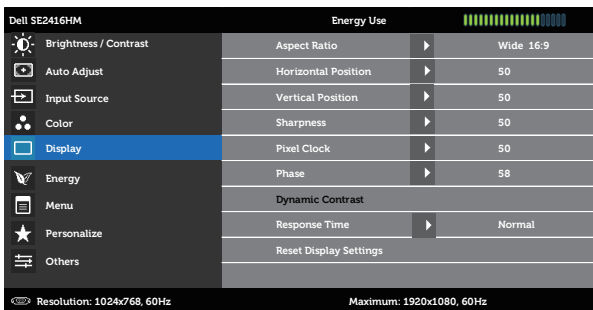
**Reset Color
Settings
(Thiết lập lại cài
đặt màu sắc)**

Thiết lập lại cài đặt màu sắc màn hình về cài đặt mặc định gốc.



**Display
(Hiện thị)**



Thay đổi cài đặt hình.



**Aspect Ratio
(Tỷ lệ khung
hình)**

Chỉnh tỷ lệ hình sang Wide 16:9 (Rộng 16:9), 4:3 hoặc 5:4.

**Sharpness
(Độ sắc nét)**


Tính năng này có thể giúp hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Dùng  hoặc  để chỉnh độ sắc nét từ 0 đến 100.

**Response Time
(Thời gian hồi
đáp)**

Người dùng có thể chọn giữa Nhanh hoặc Thường.

Dynamic Contrast
(Độ tương phản động)

Cho phép bạn tăng độ tương phản để mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét và chi tiết hơn.

Nhấn nút  để cài Độ tương phản động sang "On (Bật)" hoặc "Off (Tắt)".

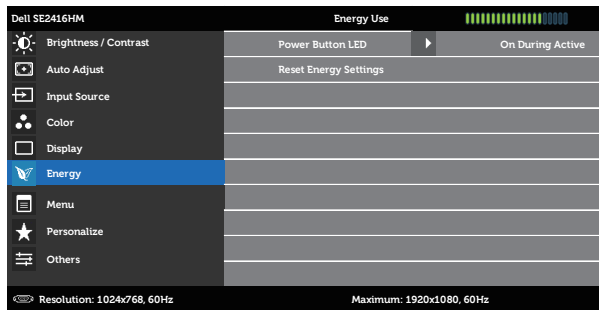
LƯU Ý: Dynamic Contrast (Độ tương phản động) cung cấp độ tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài sẵn Trò chơi hoặc Phim.

Reset Display Settings
(Thiết lập lại cài đặt màn hình)

Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định của màn hình.



Energy
(Năng lượng)



Power Button LED
(Đèn LED nút nguồn)

Cho phép bạn cài đèn báo LED nguồn sang Bật trong khi hoạt động hoặc Tắt trong khi hoạt động để tiết kiệm điện.

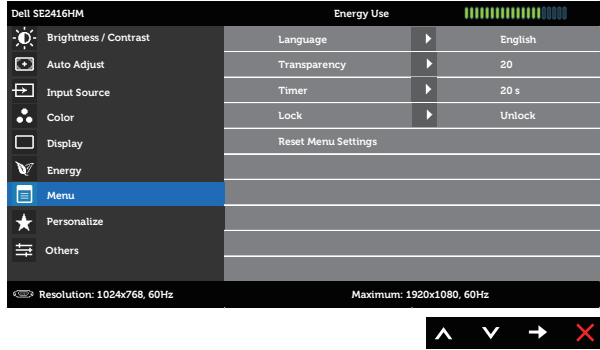
Reset Energy Settings
(Thiết lập lại cài đặt nguồn điện)

Chọn tùy chọn này để phục hồi Cài đặt năng lượng mặc định.



Menu

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt của menu OSD chẳng hạn như ngôn ngữ menu OSD, thời lượng mà menu này tiếp tục hiển thị trên màn hình, v.v...



Language (Ngôn ngữ)

Tùy chọn ngôn ngữ sẽ cài đặt màn hình OSD sang một trong 8 thứ tiếng (Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha Braxin, Nga, Hoa Giản thể hoặc Nhật).

Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để đổi độ trong suốt menu bằng cách nhấn các nút và từ 0 đến 100.

Timer (Hẹn giờ)

OSD Hold Time (Giờ giữ menu OSD): Cài thời lượng mà menu OSD sẽ vẫn tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối.

Sử dụng hoặc để chỉnh con trượt tăng thêm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

Lock (Khóa)

Kiểm soát người dùng truy cập vào các điều chỉnh. Khi đã chọn Khóa, bạn không được phép thực hiện các điều chỉnh người dùng. Tất cả các nút bị khóa trừ nút .

LƯU Ý: Khi menu OSD bị khóa, nhấn nút menu sẽ chuyển bạn thẳng đến menu cài đặt OSD với tùy chọn 'OSD Lock' (Khóa menu OSD) được chọn sẵn khi nhập. Nhấn và giữ phím trong 10 giây để mở khóa và cho phép người dùng truy cập mọi cài đặt áp dụng.

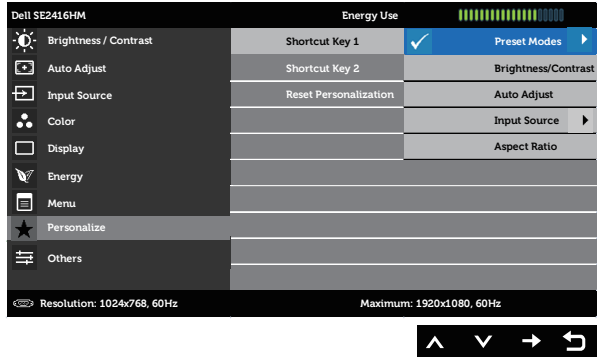
Reset Menu Settings (Thiết lập lại cài đặt menu)

Thiết lập lại mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.



Personalize (Cá nhân hóa)

Người dùng có thể chọn một tính năng từ Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Auto adjust (Chỉnh tự động), Input Source (Nguồn vào) hoặc Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) và cài nó làm phím tắt.



Shortcut Key 1 (Phím tắt 1)

Người dùng có thể chọn một trong các tính năng sau: Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Auto Adjust (Chỉnh tự động), Input Source (Nguồn vào) và Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) để cài làm Shortcut Key 1 (Phím tắt 1).

Shortcut Key 2 (Phím tắt 2)

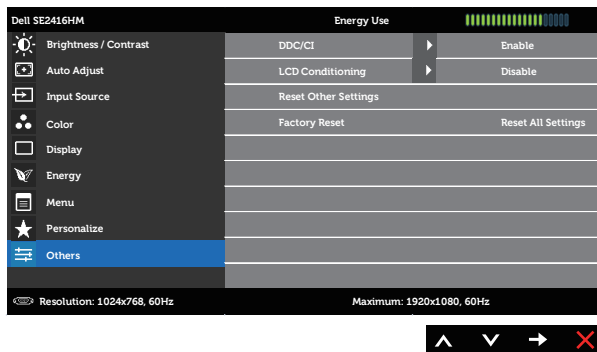
Người dùng có thể chọn một trong các tính năng sau: Preset Modes (Chế độ cài sẵn), Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản), Auto Adjust (Chỉnh tự động), Input Source (Nguồn vào) và Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) để cài làm Shortcut Key 2 (Phím tắt 2).

Reset Personalization (Cài lại cá nhân hóa)

Cho phép bạn phục hồi phím tắt về cài đặt mặc định.



Others (Khác)



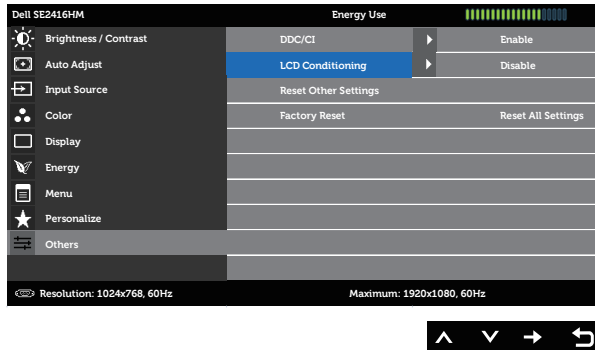
DDC/CI

DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/giao diện lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số kỹ thuật của màn hình (độ sáng, cân bằng màu sắc, v.v...) qua phần mềm trên máy tính. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Disable (Tắt). Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



LCD Conditioning (Điều tiết màn hình LCD)

Giúp giảm bớt các trường hợp lưu giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ lưu giữ ảnh, chương trình có thể mất một lúc để khởi động. Để bật LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD), chọn Enable (Bật).



Reset Other Settings (Thiết lập lại cài đặt khác)

Thiết lập lại mọi cài đặt trong menu cài đặt Others (Khác) về các giá trị mặc định gốc.

Factory Reset (Cài về mặc định gốc)

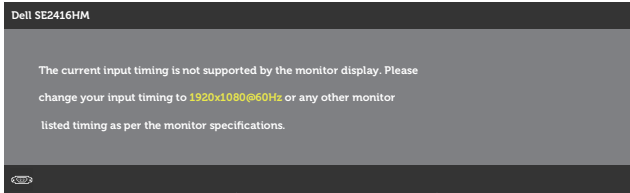
Thiết lập lại mọi cài đặt về giá trị mặc định gốc.



LƯU Ý: Màn hình của bạn tích hợp tính năng tự động chỉnh độ sáng để bù vào tình trạng lão hóa đèn LED.

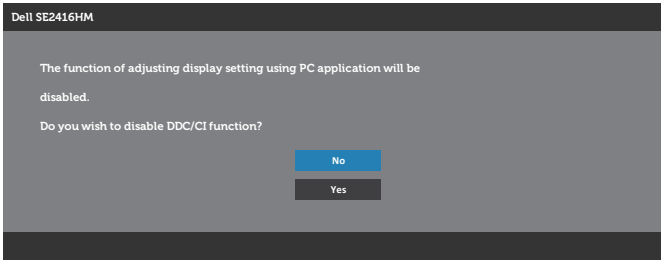
Thông tin cảnh báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ một độ phân giải, thông tin sau sẽ hiển thị:



Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết các biên độ tần số Horizontal (Ngang) và Vertical (Dọc) do màn hình này truyền phát. Chế độ khuyến dùng là 1920 x 1080.

Thông tin sau sẽ hiển thị trước khi tắt chức năng DDC/CI.

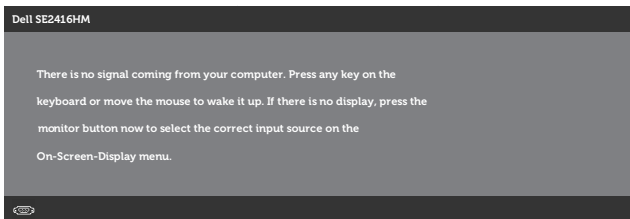


Khi màn hình vào Power Save Mode (Chế độ tiết kiệm điện), thông báo sau sẽ hiển thị:

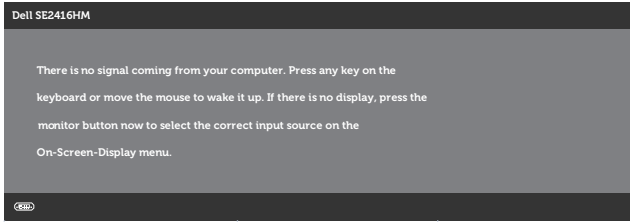


Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào trừ nút nguồn thì một trong các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy đầu vào đã chọn:

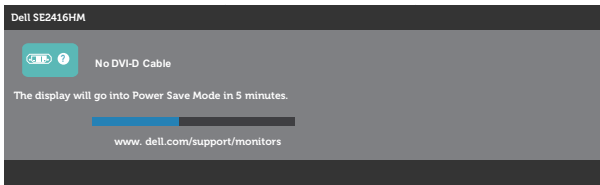
Đầu vào VGA



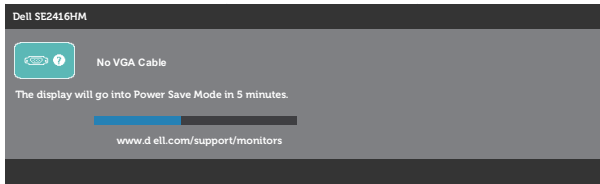
Đầu vào DVI-D



Nếu đã chọn đầu vào VGA hoặc DVI-D và chưa kết nối cáp tương ứng, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị.



hoặc



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Thiết lập màn hình của bạn

Cài đặt độ phân giải tối đa

Để cài độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền và nhấp **Độ phân giải màn hình**.
3. Nhấp danh sách Độ phân giải số xuống và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp **OK**.

Nếu không nhìn thấy 1920 x 1080 như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong các quy trình sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập www.dell.com/support, nhập Thẻ bảo hành máy tính của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.

Nếu bạn đang sử dụng máy tính không phải của Dell (máy tính xách tay hoặc máy tính để bàn):

- Truy cập trang web hỗ trợ dành cho máy tính của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.
- Truy cập trang web card đồ họa của bạn và tải về các driver đồ họa mới nhất.

Nếu bạn sử dụng máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell có kết nối internet

1. Truy cập www.dell.com/support, nhập các chữ hoa đầu tên bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
2. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang **1920 x 1080**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang **1920 x 1080**, vui lòng liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.

Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc card đồ họa không phải của Dell


Trên Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp chọn **Cá nhân hóa**.
3. Nhấp **Đổi cài đặt hiển thị**.
4. Nhấp **Cài đặt nâng cao**.
5. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
6. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để tải driver cập nhật (ví dụ: <http://www.ATI.com> OR <http://www.NVIDIA.com>).
7. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang **1920 x 1080**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài độ phân giải đề nghị, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua loại card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.

Sử dụng độ nghiêng

 **LƯU Ý:** Tùy chọn này chỉ áp dụng cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kỳ loại giá đỡ nào khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng để biết cách lắp đặt.

Nghiêng

 **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.



Khắc phục sự cố

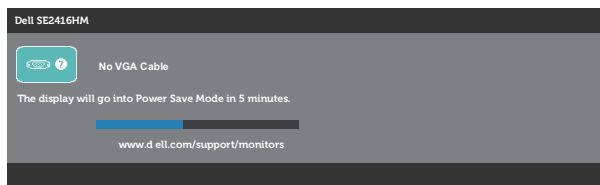
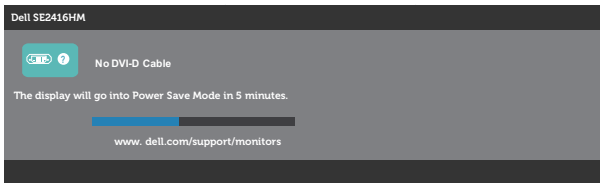
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

Tự kiểm tra

Màn hình cung cấp tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động thích hợp hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt máy tính lẫn màn hình.
2. Rút mọi cáp video ra khỏi màn hình. Theo cách này, máy tính sẽ không có sự kết nối liên quan.
3. Bật màn hình.

Nếu màn hình đang hoạt động thích hợp thì phát hiện không có tín hiệu và thông báo sau đây sẽ hiển thị. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng.




📝 LƯU Ý: Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường, nếu cáp video bị rút ra hoặc bị hỏng.

4. Tắt màn hình và cắm lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình của bạn.

Nếu màn hình vẫn còn đen sau khi bạn cắm lại các loại cáp, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính.

Hệ chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn tích hợp hệ chẩn đoán giúp bạn xác định xem mọi bất thường màn hình gặp phải có phải là sự cố thường gặp của màn hình, hoặc máy tính và card video hay không.

 **LƯU Ý:** Bạn chỉ có thể chạy hệ chẩn đoán tích hợp khi rút cáp video, và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ đồng thời Nút 1 và Nút 4 trong 2 giây. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
4. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
5. Nhấn lại Nút 4 ở mặt trước. Màn hình sẽ chuyển sang màu đỏ.
6. Kiểm tra màn hình để phát hiện bất kỳ bất thường nào.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra nội dung hiển thị trong các màn hình màu lục, lam, đen, trắng và văn bản.

Quy trình kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình văn bản hiển thị. Để thoát, nhấn lại Nút 4.

Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động đúng cách. Kiểm tra card video và máy tính.

Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

| Triệu chứng thường gặp | Giải pháp khả thi |
|--|---|
| Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn tắt | <ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo đã nhấn nút nguồn.• Đảm bảo đã chọn nguồn vào thích hợp qua menu Input Source (Nguồn vào). |
| Không có đèn LED video/Đèn LED nguồn bật | <ul style="list-style-type: none">• Tăng các nút chỉnh độ sáng và độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo đã chọn nguồn vào thích hợp qua menu Input Source (Nguồn vào). |
| Lấy nét kém | <ul style="list-style-type: none">• Rút cáp mở rộng video.• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Đổi độ phân giải video sang tỷ lệ khung hình thích hợp. |
| Video rung/chập chờn | <ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Di chuyển màn hình sang vị trí khác và thử ở một phòng khác. |
| Thiếu điểm ảnh | <ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/support/monitors. |
| Điểm ảnh bị dính | <ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Chất Lượng và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ Dell tại: www.dell.com/support/monitors. |
| Sự cố độ sáng | <ul style="list-style-type: none">• Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)).• Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD. |


| | |
|---|---|
| Méo hình | <ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Chỉnh các nút điều khiển ngang & dọc qua menu OSD. |
| Đường ngang/dọc | <ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường này có ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |
| Sự cố đồng bộ hóa | <ul style="list-style-type: none"> • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình chống lấp có hiển thị ở chế độ tự kiểm tra hay không. • Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. • Khởi động lại máy tính ở chế độ an toàn. |
| Sự cố liên quan đến an toàn | <ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ ngay với Dell. |
| Sự cố gián đoạn | <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không. |
| Thiếu màu sắc | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. |
| Màu sắc không đúng | <ul style="list-style-type: none"> • Đổi Color Setting Mode (Chế độ cài đặt màu) trong menu OSD Color Settings (Cài đặt màu) sang Graphics (Ảnh đồ họa) hoặc Video tùy vào ứng dụng. • Thử dụng Preset Modes (Chế độ cài sẵn) trong menu OSD cài đặt Color (Màu). Chỉnh giá trị R/G/B (Đỏ/Lục/Lam) trong Custom Color (Màu tùy chỉnh) trên menu OSD cài đặt Color (Màu). • Đổi Input Color Format (Định dạng màu đầu vào) sang RGB hoặc YPbPr trong menu OSD cài đặt Color (Màu). • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |
| Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài | <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng tính năng Power Management (Quản lý nguồn) để tắt màn hình vào bất cứ lúc nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý nguồn). • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động. |
| Bóng mờ hoặc phủ quá rộng video | <ul style="list-style-type: none"> • Đổi Response Time (Thời gian hồi đáp) trong menu OSD Display (Hiển thị) sang Fast (Nhanh) hoặc Normal (Thường) tùy vào ứng dụng và cách sử dụng của bạn. |

Sự cố liên quan đến sản phẩm

| Triệu chứng cụ thể | Giải pháp khả thi |
|--|---|
| Ảnh màn hình quá nhỏ | <ul style="list-style-type: none">Kiểm tra cài đặt Aspect Ratio (Tỷ lệ khung hình) trong menu OSD cài đặt Display (Hiển thị).Cài màn hình về Cài đặt mặc định gốc (Factory Reset (Cài lại về giá trị gốc)). |
| Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt bên cạnh | <ul style="list-style-type: none">Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình.Kiểm tra xem menu OSD có bị khóa hay không. Nếu có, nhấn và giữ nút menu trong 10 giây để mở khóa. (Để biết thêm chi tiết, xem Lock (Khóa)). |
| Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng | <ul style="list-style-type: none">Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ chờ hoặc không hoạt động bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím.Kiểm tra xem cáp video có được cắm thích thích hợp hay không. Ngắt và kết nối lại cáp video nếu cần.Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video. |
| Ảnh không hiển thị toàn màn hình | <ul style="list-style-type: none">Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình.Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |

Phụ lục


CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn

 **CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem *Hướng dẫn thông tin sản phẩm*.

Liên hệ với Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

 **LƯU Ý:** Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.


Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn.

Để tải nội dung hỗ trợ màn hình trực tuyến:

1. Truy cập www.dell.com/support/monitors.

Để liên hệ với Dell về vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập www.dell.com/support.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu **Choose A Country/Region (Chọn quốc gia/khu vực)** sổ xuống ở cuối trang.
3. Nhấp **Contact Us (Liên hệ)** ở bên trái trang.
4. Chọn liên kết hỗ trợ hoặc dịch vụ phù hợp theo nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.

 **CẢNH BÁO:** Đối với màn hình có mặt vát bóng láng, người dùng nên cân nhắc đến việc lắp đặt màn hình vì mặt vát có thể gây ra phản ứng nhiễu loạn từ các bề mặt sáng và ánh sáng xung quanh.

Thông số kỹ thuật màn hình

Thông số kỹ thuật màn hình phẳng

| Mẫu | SE2416HM |
|-------------------------------|--|
| Loại màn hình | Màn hình LCD TFT ma trận hoạt động |
| Loại tấm nền | Chuyển đổi trong mặt phẳng |
| Hình có thể xem | |
| Nghiêng | 604,70 mm (23,81 in) |
| Vùng hoạt động ngang | 527,04 mm (20,75 in) |
| Vùng hoạt động dọc | 296,46 mm (11,67 in) |
| Vùng | 1.562,46 cm ² (242,15 in ²) |
| Khoảng cách giữa các điểm ảnh | 0,2745 mm |
| Góc xem | Chuẩn là 178 độ (dọc) Chuẩn là 178 độ (ngang) |
| Công suất độ sáng | 250 cd/m ² (chuẩn) |
| Tỷ lệ tương phản | 1000:1 (chuẩn) 8.000.000:1 (Độ tương phản động) |
| Lớp phủ bề mặt | Chống lóa bằng lớp phủ cứng 3H |
| Đèn nền | Hệ thống vạch sáng đèn LED |
| Thời gian đáp ứng | Chuẩn 6 mili giây (Lục sang Lục) |
| Độ sâu màu | 16,7 triệu màu |
| Gam màu | CIE 1976 (84%), CIE 1931 (72%) |

Thông số kỹ thuật độ phân giải

| Mẫu | SE2416HM |
|-----------------------------|----------------------------|
| Dải quét ngang | 30 kHz - 83 kHz (tự động) |
| Dải quét dọc | 56 Hz - 76 Hz (tự động) |
| Độ phân giải cài sẵn tối đa | 1920 x 1080 ở tần số 60 Hz |

Chế độ video hỗ trợ

| | |
|--|--|
| Mẫu | SE2416HM |
| Khả năng hiển thị video (phát lại DVI-D) | 480p, 480i, 576p, 720p, 1080p, 576i, 1080i |

Chế độ hiển thị cài sẵn

| Chế độ hiển thị | Tần số quét ngang (kHz) | Tần số quét dọc (Hz) | Đồng hồ điểm ảnh (MHz) | Cực đồng bộ (Ngang/Dọc) |
|-------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|
| VESA, 720 x 400 | 31,5 | 70,1 | 28,3 | -/+ |
| VESA, 640 x 480 | 31,5 | 60,0 | 25,2 | -/- |
| VESA, 640 x 480 | 37,5 | 75,0 | 31,5 | -/- |
| VESA, 800 x 600 | 37,9 | 60,3 | 40,0 | +/+ |
| VESA, 800 x 600 | 46,9 | 75,0 | 49,5 | +/+ |
| VESA, 1024 x 768 | 48,4 | 60,0 | 65,0 | -/- |
| VESA, 1024 x 768 | 60,0 | 75,0 | 78,8 | +/+ |
| VESA, 1152 x 864 | 67,5 | 75,0 | 108,0 | +/+ |
| VESA, 1280 x 1024 | 64,0 | 60,0 | 108,0 | +/+ |
| VESA, 1280 x 1024 | 80,0 | 75,0 | 135,0 | +/+ |
| VESA, 1600 x 1200 | 75,0 | 60,0 | 162,0 | +/+ |
| VESA, 1920 x 1080 | 67,5 | 60,0 | 148,5 | +/+ |

Thông số kỹ thuật điện

| | |
|-------------------------------------|--|
| Mẫu | SE2416HM |
| Tín hiệu đầu vào video | <ul style="list-style-type: none">• RGB tương tự, 0,7 V +/- 5%, cực dương với trở kháng đầu vào 75 ohm• Công tắc TMDS DVI-D kỹ thuật số, 600mV cho từng đường dẫn khác biệt, cực dương với trở kháng đầu vào 50 ohm |
| Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC | 100 VAC - 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz ± 3 Hz / 1,5 A (chuẩn) |
| Dòng điện khởi động | <ul style="list-style-type: none">• 120 V: 40 A (Tối đa) với nhiệt độ 0°C (khởi động nguội)• 240 V: 80 A (Tối đa) với nhiệt độ 0°C (khởi động nguội) |

Đặc tính vật lý

| | |
|---|--|
| Mẫu | SE2416HM |
| Loại cáp tín hiệu | <ul style="list-style-type: none">• Kỹ thuật số: có thể tháo rời, DVI-D, Chấu cắm chắc• Analog: cáp rời D-Sub 15 chấu |
| Kích thước (có giá đỡ) | |
| Chiều cao | 423,10 mm (16,66 in) |
| Chiều rộng | 556,60 mm (21,91 in) |
| Độ dày | 179,90 mm (7,08 in) |
| Kích thước (không có giá đỡ) | |
| Chiều cao | 330,10 mm (13,00 in) |
| Chiều rộng | 556,60 mm (21,91 in) |
| Độ dày | 55 mm (2,17 in) |
| Kích thước giá đỡ | |
| Chiều cao | 177,00 mm (6,97 in) |
| Chiều rộng | 250,00 mm (9,84 in) |
| Độ dày | 179,90 mm (7,08 in) |
| Trọng lượng | |
| Trọng lượng có thùng đựng | 6,26 kg (13,80 lb) |
| Trọng lượng có kèm bộ phận giá đỡ và các loại cáp | 4,30 kg (9,48 lb) |
| Trọng lượng không có bộ phận giá đỡ (không cáp) | 3,34 kg (7,36 lb) |
| Trọng lượng của bộ phận giá đỡ | 0,66 kg (1,45 lb) |
| Độ bóng khung trước (tối thiểu) | Khung đen - 85 đơn vị bóng |

Đặc tính môi trường

| | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|------------------------------|
| Mẫu | | SE2416HM | |
| Nhiệt độ | | | |
| Sử dụng | | 0°C - 40°C (32°F - 104°F) | |
| Không sử dụng | | • Bảo quản | -20°C - 60°C (-4°F - 140°F) |
| | | • Vận chuyển | |
| Độ ẩm | | | |
| Sử dụng | | 10% đến 80% (không ngưng tụ) | |
| Không sử dụng | | • Bảo quản | 10% đến 90% (không ngưng tụ) |
| | | • Vận chuyển | |
| Độ cao | | | |
| Sử dụng (tối đa) | | 5.000 m (16.400 ft) | |
| Không sử dụng (tối đa) | | 12.192 m (40.000 ft) | |
| Tản nhiệt | (tối đa) | • 85,32 BTU/giờ | |
| | (chuẩn) | • 68,26 BTU/giờ | |

Chế độ quản lý nguồn

Nếu bạn đã lắp đặt card màn hình hay phần mềm tương thích chuẩn DPM của VESA vào PC, màn hình sẽ tự động giảm mức tiêu thụ điện khi không sử dụng. Chức năng này gọi là Power Save Mode (Chế Độ Tiết Kiệm Điện)*. Nếu máy tính phát hiện đầu vào từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị đầu vào khác, màn hình sẽ tự hoạt động trở lại. Bảng sau đây cho biết mức tiêu thụ điện và cách truyền tín hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.

* Chỉ có thể đạt mức tiêu thụ điện bằng 0 ở chế độ tắt khi rút cáp nguồn ra khỏi màn hình.

| Chế độ VESA | Đồng bộ ngang | Đồng bộ dọc | Video | Đèn báo nguồn | Mức tiêu thụ điện |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------|-------------------|---------------------------------|
| Hoạt động bình thường | Hoạt động | Hoạt động | Hoạt động | Trắng | 25 W (tối đa)** 20 W (chuẩn) |
| Chế độ hoạt động tắt | Không hoạt động | Không hoạt động | Để trống | Trắng (Phát sáng) | Dưới 0,3 W |
| Tắt | - | - | - | Tắt | Dưới 0,3 W |

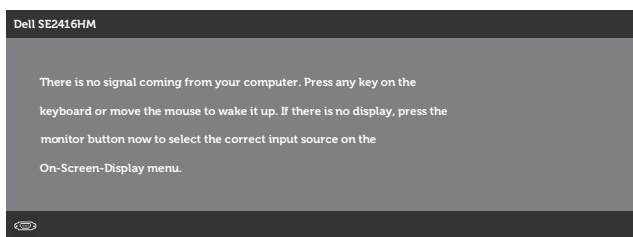
| Energy Star | Mức tiêu thụ điện |
|-------------|-------------------|
| Chế độ bật | 20 W*** |

** Mức tiêu thụ điện tối đa với độ sáng tối đa.

*** Tiêu thụ năng lượng (Chế độ bật) được thử nghiệm ở mức 230 vôn/50 Hz.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.

Menu OSD chỉ hoạt động ở chế độ hoạt động bình thường. Khi nhấn bất cứ nút nào ở chế độ Tắt hoạt động, một trong các thông báo sau đây sẽ hiển thị:



Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập menu OSD.

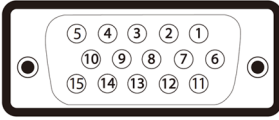


LƯU Ý: Màn hình này tương thích chuẩn **ENERGY STAR**.



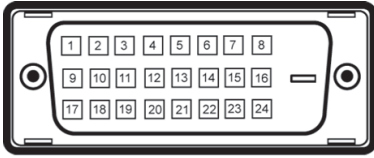
Cách gán chấu cắm

Đầu cắm D-SUB



| Số chấu cắm | Phía 15 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối |
|-------------|---|
| 1 | Video-Đỏ |
| 2 | Video-Lục |
| 3 | Video-Lam |
| 4 | Nối đất |
| 5 | Tự kiểm tra |
| 6 | Nối đất-Đỏ |
| 7 | Nối đất-Lục |
| 8 | Nối đất-Lam |
| 9 | Máy tính 5V/3,3V |
| 10 | Nối đất-đồng bộ |
| 11 | Nối đất |
| 12 | Dữ liệu DDC |
| 13 | Đ.bộ ngang |
| 14 | Đ.bộ dọc |
| 15 | Đồng hồ DDC |

Đầu cắm DVI-D



| Số chấu cắm | Phía 24 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối |
|-------------|---|
| 1 | Công tắc TMDS RX2- |
| 2 | Công tắc TMDS RX2+ |
| 3 | Nối đất TMDS |
| 4 | Không nối đất |
| 5 | Không nối đất |
| 6 | Đồng hồ DDC |
| 7 | Dữ liệu DDC |
| 8 | Không nối đất |
| 9 | Công tắc TMDS RX1- |
| 10 | Công tắc TMDS RX1+ |
| 11 | Nối đất TMDS |
| 12 | Không nối đất |
| 13 | Không nối đất |
| 14 | Nguồn điện +5 V/+3,3 V |
| 15 | Tự kiểm tra |
| 16 | Phát hiện cắm nóng |
| 17 | Công tắc TMDS RX0- |
| 18 | Công tắc TMDS RX0+ |
| 19 | Nối đất TMDS |
| 20 | Không nối đất |
| 21 | Không nối đất |
| 22 | Nối đất TMDS |
| 23 | Đồng hồ TMDS+ |
| 24 | Đồng hồ TMDS- |